TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2026/HS-ST
Ngày: 30/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa, bà Phạm Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng Hải là Thư ký viên TAND khu vực 9 – Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2026/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/HSST – QĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/HSST – QĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn L, sinh ngày 15/02/2008 tại tỉnh Đăk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng); Căn cước công dân số: 067208003302; Nơi thường trú: Thôn Th, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Kh, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/10/2023 bị Công an huyện Krông Nô xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng; Hiện đang bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án - Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Kh và bà Nguyễn Thị D – cha mẹ đẻ của bị cáo; địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hoàng Ngọc Tuấn (Có mặt) và ông Y Lam (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) – Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ: 86 Đoàn Thị Điểm, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người làm công tác xã hội, công tác bảo vệ trẻ em tham gia tố tụng để hỗ trợ bị cáo:* Bà Trương Thị Bích Hoa – Chuyên viên phòng văn hóa xã hội xã Nam Đà, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đặng Văn M; địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

+ Ông Trần Văn Th; địa chỉ: Thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đăng Tr; địa chỉ: Thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Hồ Tá Ng; địa chỉ: Số 333 K, phường Nh, tỉnh Đăk Lăk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Tấn L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị H, đến khoảng 8 giờ cùng ngày L đến nhà bà H rồi lén lút mở cửa đi vào nhà, sau đó L dùng điện thoại Iphone mở đèn pin đi vào phòng ngủ của bà H để tìm tài sản để trộm cắp thì phát hiện trong tủ quần áo có 01 tùi xách bằng da màu đen, bên trong có một hộp nhựa màu đỏ đựng: 01 sợi dây chuyền vàng đính kèm 01 mặt dây chuyền vàng vàng, 01 nhẫn vàng, 02 vòng tay vàng. L lấy 01 sợi dây chuyền vàng đính kèm 01 mặt dây chuyền vàng vàng, 01 nhẫn vàng bỏ vào túi quần, còn 02 vòng vàng L để vào vị trí cũ rồi rời khỏi nhà bà H. Sau khi lấy được tài sản của gia đình bà H thì L đến nhà anh Đặng Văn M mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 48C1 – 339.47 đi đến tiệm vàng Bảo Long của ông Nguyễn Đăng Tr tại thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng để bán chiếc nhẫn vàng, ông Tr kiểm tra thì xác định được nhẫn vàng có trọng lượng la 01 chỉ, loại vàng 99% và mua với giá 5.900.000 đồng và L đồng ý bán. Sau đó L tiếp tục đi đến tiệm vàng B của ông Trần Văn Th tại thôn 2, xã N, tỉnh Lâm Đồng để bán sợi dây chuyền vàng đính kèm 01 mặt dây chuyền vàng. Ông Th kiểm tra và xác định sợi dây chuyền có trọng lượng là 03 chỉ loại vàng 99%, 01 mặt dây chuyền vàng có trọng lượng 05 chỉ loại vàng 99%, tổng trọng lượng là 3,5 chỉ và ông Th mua với giá 35.000.000 đồng và L đồng ý bán rồi nhận tiền ra về. Số tiền bán vàng mà có L tiêu xài cá nhân hết. Đến sáng ngày 16/5/2025 do đã hết tiền tiêu xài nên L lại nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bà H. Đến khoảng 10 giờ 58 phút cùng ngày, L lén lút mở cửa đi vào nhà bà H rồi dùng điện thoại Iphone mở đèn pin đi vào vị trí tủ đồ trong phòng ngủ lấy trộm 01 vòng tay bằng vàng rồi đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày L đi xe dịch vụ đến tiệm vàng Th của ông Hồ Tá Ng tại số 333 đường K, phường Nh, tỉnh Đăk Lăk để bán vòng vàng. Tại đây ông Ng kiểm tra và xác định 01 vòng tay vàng có trọng lượng là 01 chỉ loại vàng tây (vàng 55 – 61%), ông Ng mua với giá 5.500.000 đồng, L đồng ý bán và nhận tiền ra về.

Ngày 19/5/2025 bà Nguyễn Thị H phát hiện bị mất vàng nên kiểm tra Camera trong nhà và trình bào Công an.

Tại bản kết luận giám định số 2064/KL–HĐĐGTS, ngày 12/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng kết luận:

+ 01 nhẫn vàng 01 chỉ loại vàng 99% vào thời điểm bị mất có giá trị 10.133.000 đồng;

+ 01 sợi dây chuyền vàng 03 chỉ, loại vàng 99% vào thời điểm bị mất có giá trị 30.400.000 đồng, đính kèm với mặt dây chuyền vàng 0,5 chỉ loại vàng 99% vào thời điểm bị mất có giá trị 5.067.000 đồng;

+ 01 vòng tay vàng 02 chỉ vàng, loại vàng 98% vào thời điểm bị mất ó giá trị là 20.267.000 đồng;

+ 01 vòng tay vàng 01 chỉ vàng, loại vàng 98% vào thời điểm bị mất có giá trị là 10.133.000 đồng;

+ 01 vòng tay vàng có trọng lượng là 01 chỉ loại vàng tây 55% và thời điểm bị mất có giá trị 5.600.000 đồng.

Đối với 01 dây chuyền vàng kèm 01 mặt dây chuyền vàng, 01 nhẫn vàng, 1 vòng tay vàng, sau khi mua của Nguyễn Tấn L thì ông Nguyễn Đăng Tr, ông Trần Văn Th và anh Hồ Tá Ng đã nung chảy cùng vàng trong tiệm nên cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng.

Cáo trạng số 11/CTr-VKS–KV9, ngày 15/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L từ 15 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Đăng Tr, ông Trần Văn Th và ông Hồ Tá Ng có hành vi mua vàng của Nguyễn Tấn L. Tuy nhiên ông Tr, ông Th và ông Ng không biết vàng do L bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Đặng Văn M cho L mượn xe mô tô để đi bán vàng, tuy nhiên anh M không biết L mượn xe để đi bán vàng nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng truy tố và Tòa án nhân dân khu vực 9 đưa ra xét xử đối với bị cáo Nguyễn Tấn L về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo là người chưa thành niên, hiểu biết pháp luật hạn chế; khi thực hiện hành vi phạm tội mới 17 tuổi 03 tháng. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hơn nữa bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 10 phút ngày 15/5/2025 tại nhà bà Nguyễn Thị H ở thôn Th, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Tấn L có hành vi trộm cắp của bà H: 01 sợi dây chuyền vàng 03 chỉ loại vàng 99% có trị giá 30.400.000 đồng, đính kèm với mặt dây chuyền vàng 0,5 chỉ vàng loại vàng 99% có trị giá là 5.067.000 đồng, 01 nhẫn vàng loại 01 chỉ loại vàng 99% có trị giá 10.133.000 đồng.

Vào khoảng 11 giờ ngày 16/5/2025 tại nhà bà Nguyễn Thị H ở thôn Nam Th, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Tấn L tiếp tục có hành vi trộm cắp của bà H: 01 vòng vàng 01 chỉ loại vàng 55% có trị giá là 5.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Tấn L trộm cắp là 51.200.000 đồng

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn L bị Viện kiểm sát nhân khu vực 9 – Lâm Đồng truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản.

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm"

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng."

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra:

3.1. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và khả năng nhận thức được hành vi, biết hành vi mà mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn vẫn cố ý thực hiện.

3.2. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sơ hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện ành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 03 tháng do đó cần áp dụng Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc không bắt các bị cáo chấp hành phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến đấu tranh phòng, chống tội phạm, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên, Điều 65 của Bộ luật hình sự và Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

3.3. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo.

3.4. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự .

[4]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng.

[5]. Đối với ông Nguyễn Đăng Tr, ông Trần Văn Th và ông Hồ Tá Ng có hành vi mua vàng của Nguyễn Tấn L. Tuy nhiên ông Tr, ông Th và ông Ng không biết vàng do L bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[6]. Đối với anh Đặng Văn M cho L mượn xe mô tô để đi bán vàng, tuy nhiên anh M không biết L mượn xe để đi bán vàng nên không có căn cứ để xử lý.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[8] . Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, khoản 1, 2 và 5 Điều 12, Điều 119, Điều 124 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/3/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Tấn L cho UBND xã Nam Đà, tỉnh Lâm Đồng để giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18/12/2025 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Lâm Đồng và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Lâm Đồng)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Tấn Lộc phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền phần bản án có liên đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9 - Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9 –Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tím